TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2023/KDTM-ST
Ngày: 31/7/2023
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phương Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

2. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nguyệt Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 31/7/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 07/2023/TLST-KDTM ngày 16/02/2023 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 231/2023/QĐXXST-KDTM ngày 21/6/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 199/2023/QĐST-KDTM ngày 13/7/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (VBank)

Địa chỉ: 89 LH, phường LH, quận ĐĐ, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Gia Đ (có mặt) hoặc ông Võ Ngọc Quang H (vắng mặt); Văn bản ủy quyền ngày 20/4/2023.

Địa chỉ: Tầng 1, số 96 CT, Phường A, Quận B, Tp.Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Công ty TNHH M

Địa chỉ: 64/7T đường TX 2, ấp C1, xã TX, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Huỳnh Kim T (vắng mặt)

Địa chỉ: 124 Đường số 6, Phường C, quận GV, Tp.Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Huỳnh Kim T (vắng mặt)

Địa chỉ: 124 Đường số 6, Phường C, quận GV, Tp.Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa, nguyên

đơn có người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Gia Đ trình bày:

Ngày 20/10/2017, Công ty TNHH M (Công ty) có ký Hợp đồng cho vay từng lần số 161017-4101213-01-SME, Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 20/10/2017, Khế ước nhận nợ lần 01/số 161017-4101213-01-SME ngày 23/10/2017 với Ngân hàng TMCP V (Ngân hàng), để vay số tiền 440.550.000đồng bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất trang phục, lãi suất 21.4%/năm điều chỉnh 01 tháng/lần, mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng Lãi suất bán vốn của Ngân hàng do Hội sở chính của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh áp dụng với khoản giải ngân có kỳ hạn là trên 2 đến = 3 năm và kỳ điều chỉnh lãi suất là 01M + biên độ 14.5%/năm, thời hạn vay là 36 tháng, Ngân hàng giải ngân ngày 23/10/2017, ngày đến hạn 23/10/2020, lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, bên vay phải trả nợ gốc, lãi cho Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 25, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 25/11/2017, tổng cộng là 36 kỳ, số tiền nợ gốc mà bên vay phải trả mỗi kỳ là 12.240.000đồng, riêng kỳ cuối cùng trả 12.150.000đồng. Khoản vay này được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của bà Huỳnh Kim T theo Hợp đồng bảo lãnh số 161017-4101213-01-SME/HĐBL ngày 20/10/2017. Khoản vay không thực hiện biện pháp bảo đảm bằng thế chấp tài sản, không có đăng ký giao dịch bảo đảm. Trong quá trình sử dụng vốn vay, Công ty đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần thông báo nhắc nhở. Nay Ngân hàng yêu cầu Công ty trả tổng số nợ tính đến ngày 31/7/2023 là 594.197.643đồng gồm: Nợ gốc 238.832.326đồng, nợ lãi 352.520.506đồng và lãi chậm trả lãi là 2.844.811đồng. Ngoài ra, Công ty phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 01/8/2023 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng cho vay và khế ước nhận nợ ký giữa Ngân hàng và Công ty. Trường hợp Công ty không thanh toán theo yêu cầu của Ngân hàng, bên bảo lãnh bà Huỳnh Kim T có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay nêu trên theo hợp đồng bảo lãnh đã ký.

Bị đơn Công ty TNHH M vắng mặt, không giao nộp tài liệu, chứng cứ, không cung cấp lời khai, không đưa ra ý kiến, yêu cầu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Kim T vắng mặt, không giao nộp tài liệu, chứng cứ, không cung cấp lời khai, không đưa ra ý kiến, yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, hòa giải và thời hạn xét xử, gửi hồ sơ đến Viện kiểm sát, tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn có trụ sở cuối cùng tại địa chỉ 64/7T đường TX 2, ấp C1,

xã TX, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo qui định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Toà án đã triệu tập, tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng bị đơn Công ty TNHH M, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Kim T đều vắng mặt không lý do. Vì vậy, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Trong quá trình tố tụng, do bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đến Tòa án để cung cấp lời khai, giao nộp tài liệu, chứng cứ để chứng minh và tại phiên tòa bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu của nguyên đơn dựa trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

[3.2] Căn cứ Hợp đồng cho vay từng lần số 161017-4101213-01-SME ngày 20/10/2017, Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 20/10/2017, Khế ước nhận nợ lần 01/số 161017-4101213-01-SME ngày 23/10/2017, các Bảng tổng hợp nợ dư và bảng kê tính lãi, và các tài liệu khác do Ngân hàng cung cấp và lời khai của Ngân hàng thì có cơ sở xác định: Công ty TNHH M có ký Hợp đồng cho vay từng lần số 161017-4101213-01-SME ngày 20/10/2017, Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 20/10/2017, Khế ước nhận nợ lần 01/số 161017-4101213-01-SME ngày 23/10/2017 với Ngân hàng TMCP V để vay số tiền 440.550.000đồng; Mục đích vay là để bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất trang phục; Lãi suất cho vay là 21.4%/năm (mức lãi suất này được áp dụng để tính lãi theo phương thức tính lãi quy định tại Hợp đồng cho vay với một năm là 360 ngày, mức lãi suất quy đổi trên cơ sở một năm 365 ngày là 21.7%/năm), được điều chỉnh 01 tháng/lần, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 23/11/2017; Lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; Thời hạn vay là 36 tháng. Ngân hàng giải ngân cho bên vay toàn bộ khoản vay vào ngày 23/10/2017, ngày đến hạn 23/10/2020. Bên vay phải trả nợ gốc, lãi cho Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 25, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 25/11/2017, tổng cộng là 36 kỳ, số tiền nợ gốc mà Bên vay phải trả mỗi kỳ là 12.240.000đồng, riêng kỳ cuối cùng trả 12.150.000đồng. Công ty đã thanh toán được cho Ngân hàng số tiền gốc là 201.717.674đồng, số tiền lãi là 103.857.335đồng. Từ ngày 02/4/2019 cho đến nay Công ty không thanh toán thêm bất cứ khoản nào cho Ngân hàng. Công ty còn nợ số tiền tính đến ngày 31/7/2023 là 594.197.643đồng gồm: Nợ gốc 238.832.326đồng, tiền lãi 352.520.506đồng và lãi chậm trả lãi là 2.844.811đồng. Vì vậy, Công ty đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại khoản 8 Điều 2 Hợp đồng cho vay từng lần số 161017-410213-01-SME ngày 20/10/2017 và Điều 1 Khế ước nhận nợ lần 01/số 161017-4101213-01-SME ngày 23/10/2017, nên phải có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi như thỏa thuận.

[3.3] Từ đó, căn cứ quy định tại Hợp đồng cho vay từng lần số 161017-410213-01-SME ngày 20/10/2017 (bao gồm cả Phụ lục hợp đồng), Khế ước nhận nợ

lần 01/số 161017-4101213-01-SME ngày 23/10/2017, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử nhận định có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và buộc Công ty trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 31/7/2023 là 594.197.643đồng gồm nợ gốc 238.832.326đồng, tiền lãi 352.520.506đồng và tiền lãi chậm trả lãi là 2.844.811đồng. Ngoài ra, Công ty phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 01/8/2023 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng cho vay từng lần số 161017-4101213-01-SME ngày 20/10/2017 (bao gồm cả Phụ lục hợp đồng), Khế ước nhận nợ lần 01/số 161017-4101213-01-SME ngày 23/10/2017 ký giữa Ngân hàng và Công ty.

[4] Về trách nhiệm của người bảo lãnh: Hợp đồng bảo lãnh số 161017-4101213-01-SME/HĐBL ngày 20/10/2017 được ký giữa bên bảo lãnh là bà Huỳnh Kim T, bên nhận bảo lãnh là Ngân hàng. Căn cứ quy định tại Điều 1, Điều 2, Điều 3 của Hợp đồng bảo lãnh thì bà Huỳnh Kim T đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Công ty TNHH M trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ đối với bên Ngân hàng phát sinh từ Hợp đồng cho vay từng lần số 161017-4101213-01-SME đã ký ngày 20/10/2017 và các hợp đồng, văn bản tín dụng khác được ký giữa Công ty TNHH M và Ngân hàng (bao gồm cả các khế ước nhận nợ). Vì vậy, căn cứ nội dung thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng bảo lãnh, Điều 339, Điều 342 Bộ luật dân sự, trong trường hợp Công ty không thực thiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng như trên thì bà Huỳnh Kim T phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số nợ còn thiếu cho Ngân hàng.

[5] Về án phí: Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 27.767.906đồng, Công ty TNHH M phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 339, Điều 342, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Danh mục án phí, lệ phí tòa án được ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Căn cứ Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V.

Buộc Công ty TNHH M trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền tính đến ngày 31/7/2023 là 594.197.643đồng (năm trăm chín mươi bốn triệu, một trăm chín mươi bảy nghìn, sáu trăm bốn mươi ba đồng) gồm: Nợ gốc 238.832.326đồng (hai trăm ba mươi tám triệu, tám trăm ba mươi hai nghìn, ba trăm hai mươi sáu đồng), nợ lãi 352.520.506đồng (ba trăm năm mươi hai triệu, năm trăm hai mươi nghìn, năm trăm lẻ sáu đồng) và lãi chậm trả lãi là 2.844.811đồng (hai triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn, tám trăm mười một đồng).

Ngoài ra, Công ty TNHH M phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 01/8/2023 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng cho vay từng lần số 161017-4101213-01-SME ngày 20/10/2017, Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 20/10/2017, Khế ước nhận nợ lần 01/số 161017-4101213-01-SME ngày 23/10/2017 ký giữa Ngân hàng TMCP V và Công ty TNHH M.

Trường hợp Công ty TNHH M không thực thiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ như trên, thì bà Huỳnh Kim T phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số nợ còn thiếu cho Ngân hàng TMCP V theo Hợp đồng bảo lãnh số 161017-4101213-01-SME/HĐBL ngày 20/10/2017 được ký giữa bà Huỳnh Kim T và Ngân hàng TMCP V.

2/ Án phí: Công ty TNHH M phải chịu án phí sơ thẩm là 27.767.906đồng (hai mươi bảy triệu, bảy trăm sáu mươi bảy nghìn, chín trăm lẻ sáu đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí là 7.252.758đồng (bảy triệu, hai trăm năm mươi hai nghìn, bảy trăm năm mươi tám đồng), theo biên lai thu số AA/2019/0074245 ngày 27/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

3/ Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- Các đương sự;
- VKSND H.Hóc Môn;
- Chi cục THADS H.Hóc Môn;
- Lưu: hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Phương Nam